

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **33/2019/HNGĐ- ST**

Ngày : 19-8-2019

V/v tranh chấp: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Mỹ Hằng

2. Ông Phan Trung Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hòa- Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Hồng- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2019, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 27/2019/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2019 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Trần Văn D**, sinh năm 1986

Địa chỉ: thôn Đ, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

- Bị đơn: Chị **Vũ Thị Thanh T**, sinh năm 1988

Nơi đăng ký HKTT: thôn Đ, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ: B3/57 ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Anh D, chị T có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/01/2019 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Trần Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh D và chị Vũ Thị Thanh T chung sống với nhau từ tháng 10/2016, có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 03 tháng do anh trai của chị T mai mối giới thiệu. Việc chung sống là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia đình đồng ý. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai ngày 22/9/2016.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Anh D trình bày chị T không chăm lo cho gia đình, không chia sẻ công việc với chồng, hay kiểm soát gây sự dẫn đến vợ chồng bất hòa. Mỗi lần

cãi vã thì chị T bỏ về nhà mẹ đẻ tại Đồng Nai sống. Từ khi kết hôn đến đầu năm 2019 chị T bỏ về nhà mẹ đẻ 04 lần, mỗi lần khoảng 03-04 tháng, anh D xuống đưa về thì mới chịu về nhà. Mâu thuẫn trầm trọng là khoảng tháng 12/2018 vợ chồng có bàn bạc về công việc, kinh tế nhưng không thống nhất dẫn đến anh D có cãi vã và chửi bới nên chị T đã bỏ đi đến nay. Anh D có gọi điện thoại nhưng chị T không nghe máy. Xét thấy đến nay vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống chung không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn nên anh D làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh D trình bày quá trình chung sống anh và chị Vũ Thị Thanh T có một con chung tên là Trần Vũ Thiên K, sinh ngày 16/02/2018. Từ khi vợ chồng ly thân thì chị T mang theo con về sinh sống tại nhà mẹ đẻ. Anh D có xuống thăm con một vài lần nhưng bị gia đình chị T chửi bới xúc phạm, ngăn cản việc thăm con. Khoảng tháng 5/2019 anh D xuống đưa con về chăm sóc nuôi dưỡng con cho đến nay. Nay ly hôn anh D yêu cầu được nuôi con chung đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Lý do anh D trình bày anh có công việc làm, có tài sản, có khả năng chăm sóc con, hiện nay chị T không có việc làm sống phụ thuộc vào bố mẹ, không biết cách nuôi dưỡng con nên không đảm bảo cho con.

Về tài sản chung: Anh D trình bày anh và chị Vũ Thị Thanh T tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh D trình bày anh và chị Vũ Thị Thanh T không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28/6/2018 và các lời khai khác tại Tòa án, bị đơn chị Vũ Thị Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T thừa nhận về thời gian tìm hiểu, đám cưới và đăng ký kết hôn như anh D trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường. Khi chị T mang thai, do thai nhi yếu, không có ai chăm sóc về nhà mẹ đẻ dưỡng thai thì anh D gây chuyện, chửi bới chị T và gia đình bên vợ. Sau đó vợ chồng về tiếp tục sống chung nhưng anh D vẫn thường hay gây sự với mẹ con chị T. Từ tháng 01/2019 chị T đưa con về nhà mẹ đẻ sinh sống đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, anh D yêu cầu ly hôn chị T biết và cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị T cũng thừa nhận chị và anh D có một con chung là Trần Vũ Thiên K, sinh ngày 16/02/2018. Từ tháng 01/2019 vợ chồng sống ly thân thì chị T trực tiếp nuôi con chung. Tháng 5/2019 anh D có xuống thăm con và nói đưa con đi chơi và tự ý đưa con về nuôi dưỡng đến nay. Chị T lên thăm con và yêu cầu được đưa con về chăm sóc vì con đang còn bú sữa mẹ nhưng anh D không cho thăm con. Đến nay chị T vẫn chưa đưa được con về, không biết tình hình hiện tại của con như thế nào. Nay ly hôn vì con còn quá nhỏ nên chị T yêu cầu được nuôi con chung đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại chị T có công việc và có thu nhập để đảm bảo việc nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T trình bày chị và anh D tự thỏa thuận về tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị T trình bày chị và anh D không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 05/7/2019 nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

Kết thúc phần tranh luận, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn D về việc “ly hôn” đối với chị Vũ Thị Thanh T, cho anh D và chị T được ly hôn. Về con chung cần xem xét giao con chung là Trần Vũ Thiên K, sinh ngày 16/02/2018 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết, về tài sản chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết, về nợ chung không có nên không xem xét. Về án phí cần buộc anh D phải chịu toàn bộ án phí DSST xin ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn chị Vũ Thị Thanh T có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Từ tháng 01/2019 đến nay chị T cư trú tại số B3/57 ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Anh Trần Văn D gửi đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm giải quyết ly hôn với chị T, chị T cũng đồng ý chọn Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng giải quyết vụ án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

{2} Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn D và chị Vũ Thị Thanh T chung sống với nhau từ năm 2016, hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu và yêu thương nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và được hai bên gia đình đồng ý. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai ngày 22/9/2019. Đây là quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập, thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, anh D và chị T thừa nhận thời gian vợ chồng sống chung không được bao lâu, vợ chồng thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, tình cảm, công việc. Mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng sống ly thân nhiều lần. Cụ thể gần đây nhất từ tháng 01/2019 đến nay vợ chồng sống ly thân không thể hàn gắn, không quan tâm chăm sóc nhau. Khi anh D nộp đơn yêu cầu ly hôn, chị T biết và cũng muốn ly

hôn, không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên toàn hôm nay cả anh D và chị T cũng kiên quyết yêu cầu giải quyết ly hôn. Xét thấy cuộc sống hôn nhân của anh D và chị T mới tồn tại được thời gian ngắn đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, đến nay vợ chồng cũng không hàn gắn đoàn tụ được với nhau, sống không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Vì vậy căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần xử anh D và chị T được ly hôn là có căn cứ và đúng pháp luật.

- Về con chung: Xét lời khai của anh D và chị T, căn cứ bản sao giấy khai sinh anh D xuất trình cho Tòa án thì hai người có một con chung là Trần Vũ Thiên K, sinh ngày 16/02/2018. Xem xét nguyện vọng nuôi con của anh D và chị T, thực tế từ khi ly thân đến tháng 05/2019 chị T là người trực tiếp nuôi con chung, anh D không cấp dưỡng nuôi con nhưng vẫn đảm bảo cuộc sống cho con, đủ điều kiện nuôi con. Từ tháng 5/2019 anh D xuống thăm con và tự ý đưa con về nuôi dưỡng không có sự đồng ý của chị T. Xét hiện nay con chung đang còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi nên cần giao cho người mẹ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức của con, căn cứ vào các điều 70, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung là Trần Vũ Thiên K, sinh ngày 16/02/2018 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi là có căn cứ và đúng pháp luật. Chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh D và chị T trình bày tự thỏa thuận về tài sản chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

- Về nợ chung: Anh D và chị T thống nhất trình bày không có nợ chung nên không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

{3} Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật TTDS, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đây là vụ án không có giá ngạch, cần buộc nguyên đơn anh Trần Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 235, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 70, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Văn D đối với bị đơn chị Vũ Thị Thanh T về việc “ly hôn”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Văn D và chị Vũ Thị Thanh T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Vũ Thiên K, sinh ngày 16/02/2018 cho chị Vũ Thị Thanh T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Trần Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

“ Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình”.

3. Về tài sản chung: Anh Trần Văn D và chị Vũ Thị Thanh Trang tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Buộc nguyên đơn anh Trần Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh D đã nộp tại biên lai nộp tiền số AA/2016/0012779 ngày 24/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- UBND xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Nguyễn Thị Bích Thủy**

